

**QUYẾT ĐỊNH số 71-NS/VGNN ngày 16-10-1974 về việc điều chỉnh giá mua gai sợi.**

CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

.....  
..... (1)

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay điều chỉnh và quy định giá mua một kilôgam gai sợi các loại áp dụng thống nhất cho toàn miền Bắc như sau :

**1. Gai dài từ 1,30m trở lên :**

Loại A : 7.10đ (bảy đồng một hào)

Loại B : 6,20đ (sáu đồng hai hào)

**2. Gai dài từ 0,80m đến dưới 1,30m :**

Loại A : 5.80đ (năm đồng tám hào)

Loại B : 5.10đ (năm đồng một hào)

**3. Gai dài từ 0,40m đến dưới 0,80m :**

Loại A : 3,90đ (ba đồng chín hào)

Loại B : 3,00đ (ba đồng chẵn)

**Điều 2.** — Quy cách phẩm chất các loại gai được quy định như sau :

a) **Tiêu chuẩn chung cho các loại :** thật khô, không sâu, không mốc, không mục ải.

b) **Tiêu chuẩn riêng cho từng loại :**

Loại A : Cạo sạch vỏ ngoài, không vấp mấu, dai bền, sợi mềm, tơ rời, tước không lõi,

— Màu trắng đều hoặc trắng xanh,  
— Gốc không vàng hoặc đỏ ;

Loại B : Cạo chưa thật sạch vỏ ngoài, tơ không được rời, còn ít mấu, sợi không mềm bằng loại A.

**Điều 3.** — Giá mua quy định ở điều 1 là giá mua tại các cửa hàng, trạm, tổ thu mua của mạng dịch quốc doanh.

**Điều 4.** — Quyết định này được thi hành từ ngày 1 tháng 11 năm 1974.

Hà-nội, ngày 16 tháng 10 năm 1974

Q. Chủ nhiệm  
Ủy ban Vật giá Nhà nước  
TÔ DUY

**QUYẾT ĐỊNH số 72-NS/VGNN ngày 16-10-1974 về việc điều chỉnh giá mua lạc.**

CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

.....  
..... (1)

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay điều chỉnh và quy định giá mua một kilôgam lạc các loại áp dụng thống nhất cho toàn miền Bắc như sau :

a) **Lạc vỏ :**

Loại I : 0,85đ (tám hào năm xu)

Loại II : 0,75đ (bảy hào năm xu)

Loại III : 0,65đ (sáu hào năm xu)

b) **Lạc nhân :**

Loại I : 1,25đ (một đồng hai hào năm xu)

Loại II : 1,15đ (một đồng một hào năm xu)

Loại III : 1,05đ (một đồng năm xu)

**Điều 2.** — Tại những vùng đất bạc màu, trồng lạc đề cải tạo đất, giá mua một kilôgam là :

a) **Lạc vỏ :**

Loại I : 0,95đ (chín hào năm xu)

Loại II : 0,85đ (tám hào năm xu)

Loại III : 0,75đ (bảy hào năm xu)

b) **Lạc nhân :**

Loại I : 1,35đ (một đồng ba hào năm xu)

Loại II : 1,25đ (một đồng hai hào năm xu)

Loại III : 1,15đ (một đồng một hào năm xu)

Mức giá ở điều 2 chỉ có hiệu lực thi hành sau khi đề nghị vùng áp dụng mức giá này được Ủy ban Vật giá Nhà nước xét duyệt.

**Điều 3.** — Quy cách phẩm chất lạc được quy định trong bảng phụ lục kèm theo.

**Điều 4.** — Giá mua quy định ở điều 1 và điều 2 là giá mua tại các cửa hàng, trạm, tổ thu mua của mạng dịch quốc doanh.

**Điều 5.** — Quyết định này được thi hành từ ngày 1 tháng 11 năm 1974.

Hà-nội, ngày 16 tháng 10 năm 1974

Q. Chủ nhiệm  
Ủy ban Vật giá Nhà nước  
TÔ DUY

(1) Xem căn cứ của quyết định số 66-NS/VGNN trên.